

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp****DỰ THẢO 1**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp thay thế Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Thời gian qua Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế như: Văn kiện Đại hội Đảng khoá XIII, về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó, xác định tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế, phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước; Các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương, trong đó đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 202/2025/QH-15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội khóa 15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó sau khi sắp xếp, cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, Luật Hóa chất 2025 (Luật số 69/2025/QH15) được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 7, thay thế Luật Hóa chất 2007, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, trong đó sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan 04 chính sách: Xây dựng chính sách phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại; Quản lý hóa chất đồng bộ trong toàn bộ vòng đời; Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm; Nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất.

Ngày 29 tháng 6 năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 7, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trong đó sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử phạt vi phạm hành chính được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 9, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trong đó thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi.

Đề phù hợp với việc sắp xếp bộ máy hành chính, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định về quản lý hoá chất và phát triển công nghiệp hoá chất tại Luật Hoá chất 2025; quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các văn bản hướng dẫn và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử phạt vi phạm hành chính, Bộ Công Thương được Thủ tướng Chính phủ giao xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2025 ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử phạt vi phạm hành chính.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về quản lý hoá chất và phát triển công nghiệp hoá chất quy định tại Luật Hoá chất 2025

a) Xây dựng chính sách phát triển bền vững ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại:

Để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại và hướng tới nền kinh tế độc lập, tự chủ, Luật Hóa chất đã bổ sung các quy định về: Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất (Điều 4): Làm rõ về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời kỳ lập Chiến lược; Dự án hóa chất (Điều 5): Yêu cầu dự án hóa chất phải đáp ứng các quy định về khoảng cách an toàn, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, lựa chọn công nghệ, thiết bị hướng tới phát triển xanh, bền vững, thân thiện môi trường; Lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm (Điều 6): Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm có quy mô vốn và tiến độ giải ngân theo quy định của Chính phủ sẽ được hưởng các hình thức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Quy định nêu trên góp phần khuyến khích phát triển ngành công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm, hướng tới nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Bên cạnh đó, Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất (Điều 7, Điều 8) đã được bổ sung quy định điều kiện đối với tổ chức, cá nhân tư vấn chuyên ngành trong lĩnh vực hóa chất và cấp chứng chỉ đối với cá nhân hoạt động tư vấn. Các quy định nêu trên nhằm đảm bảo chất lượng của quá trình tư vấn, góp

phần nâng cao hiệu quả công tác an toàn hóa chất, đảm bảo quyền lợi cho các chủ đầu tư dự án, lựa chọn được các giải pháp công nghệ, xây dựng, an toàn phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, từ đó giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn cho cộng đồng.

b) Quản lý hóa chất đồng bộ trong toàn bộ vòng đời:

Luật Hóa chất năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm quản lý chặt chẽ hóa chất trong toàn bộ vòng đời từ sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng hóa chất đến xử lý chất thải từ hoạt động hóa chất (Điều 10 - 16). Bên cạnh đó, để tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, các hóa chất sẽ được phân loại theo danh mục (hóa chất cấm, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất có điều kiện) và được quản lý với mức độ chặt chẽ tương ứng.

Tổ chức, cá nhân mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và phải được xác thực dữ liệu về tổ chức, cá nhân mua, bán theo lộ trình thực hiện do Chính phủ quy định (khoản 4 Điều 11); Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải công bố mục đích sử dụng (Điều 17). Các quy định nêu trên sẽ được thực hiện trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất, từ đó cơ quan quản lý sẽ kiểm soát được toàn bộ “đường đi” của hóa chất, từ nhà sản xuất, nhập khẩu tới đơn vị sử dụng cuối cùng.

Các quy định về thông tin hóa chất được chỉnh sửa, bổ sung so với Luật Hóa chất năm 2007 để phù hợp với thực tiễn và áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong thực hiện (Điều 20 - 28); bổ sung quy định về chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất (Điều 29) nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm:

Đây là nội dung được bổ sung mới so với Luật Hóa chất năm 2007 nhằm xây dựng cơ chế quản lý hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và yêu cầu công bố công khai tới người sử dụng (Điều 31, Điều 32). Các quy định nêu trên góp phần giảm thiểu tác hại của hóa chất nguy hiểm tới con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường và phù hợp với xu hướng quản lý hóa chất của thế giới.

Các quy định được xây dựng theo hướng phân định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm; trách nhiệm công bố thông tin trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất và được xây dựng theo hướng áp dụng tối đa công nghệ thông tin, không phát sinh thủ tục hành chính.

d) Nâng cao hiệu quả đảm bảo an toàn hóa chất:

Các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất được chỉnh sửa, bổ sung so với Luật Hóa chất năm 2007 để phù hợp với thực tiễn và

nâng cao các yêu cầu về bảo đảm an toàn, trong đó có một số quy định nổi bật như: Sửa đổi quy định về khoảng cách an toàn, trong đó bổ sung giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với các cơ sở hóa chất hiện hữu (Điều 35); Điều chỉnh thời điểm thẩm định Kế hoạch, phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của dự án hóa chất, cơ sở hóa chất (Điều 37); bổ sung quy định về kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh (Điều 39); Bổ sung quy định Nhà nước có chính sách nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự (Điều 41).

Bên cạnh đó, về tổng thể Luật Hóa chất được xây dựng theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính; áp dụng tối đa công nghệ thông tin nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi. Cùng với đó, Luật Hóa chất đã bổ sung hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp phù hợp để không tạo khoảng trống trong quản lý và giảm thiểu khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

2.2. Về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Thực hiện Công văn số 1638/VPCP-CN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính và hình sự trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Bộ Công Thương rà soát các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và hình sự trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Kết quả rà soát pháp luật hình sự:

Khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự quy định: “Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác”.

Khoản 9 Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 304, Điều 305, Điều 306, Điều 307 và Điều 308 của Bộ luật Hình sự quy định: “**Trường hợp người chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt thuốc nổ... với số lượng hoặc giá trị nhỏ, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc được xử lý bằng các biện pháp khác**”.

Như vậy, Điều 305 Bộ luật Hình sự quy định bất kỳ hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ đều bị xử lý hình sự và việc áp dụng quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP vẫn phải đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ luật Hình sự.

b) Kết quả rà soát pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

Khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*”.

Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về *chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự*.

Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về *chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính*.

Việc Nghị định số 71/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm liên quan về vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ công nghiệp nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính khi hành vi vi phạm không được xác định là tội phạm hoặc không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự theo nguyên tắc tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự và khoản 9 Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP, hay nói cách khác để *tránh bỏ lọt các hành vi vi phạm pháp luật mà không được xử lý theo quy định pháp luật hình sự*.

Bên cạnh đó, Điều 62 và Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng đã quy định cụ thể về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính. Tuy nhiên, các quy định nêu trên tại Nghị định số 71/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) dễ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, người có thẩm quyền dễ lợi dụng để hành chính hóa các hành vi phạm tội.

Theo đó, để thống nhất, đồng bộ, tránh sự chồng chéo trong quy định về xử phạt vi phạm hành chính và Bộ luật Hình sự, cần rà soát, chỉnh sửa Nghị định số 71/2019/NĐ-CP.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Bảo đảm sự phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất của Nghị định trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan và phù hợp với các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thể chế hoá quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội nói chung nhằm góp phần tạo môi trường an toàn, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

Bảo đảm việc xử phạt nghiêm minh nhưng có tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với thực tế; góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm các quyền và lợi ích cơ bản của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên các quan điểm sau đây:

a) Kế thừa, phát huy những quy định, những kinh nghiệm tốt, khắc phục triệt để những vấn đề còn bất cập, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh - trật tự và hoàn thiện hành lang pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các quy định của pháp luật trong thực tiễn

b) Thống nhất, đồng bộ, tránh sự chồng chéo trong quy định về xử phạt vi phạm hành chính và Bộ luật Hình sự, dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, người có thẩm quyền dễ lợi dụng để hành chính hóa các hành vi phạm tội;

a) Bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính và pháp luật khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Ngày tháng ... năm 2025, Bộ Công Thương, Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương đăng tải dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân. Đến ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Công Thương nhận được ... ý kiến góp ý của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

3. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Công Thương có Công văn số ... gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đối với dự thảo Nghị định.

4. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Công Thương đã gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số .../BC-BTP về thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định; ngày ... tháng ... năm 2025, Bộ Công Thương đã có Báo cáo số .../BCT-HC về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Trên cơ sở thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ đúng thời hạn, đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định

a) Phạm vi điều chỉnh:

Phạm vi và đối tượng áp dụng được quy định tại dự thảo Nghị định:

a) Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh đối

với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

- Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp không quy định tại Nghị định thì áp dụng theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng:

- Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây viết tắt là cá nhân, tổ chức) thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

- Tổ chức là đối tượng bị áp dụng các quy định xử phạt theo quy định của Nghị định này, bao gồm:

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

+ Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã, gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

+ Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật đầu tư, gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

+ Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

+ Đơn vị sự nghiệp;

- Hộ kinh doanh, hộ gia đình, nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân.

2. Bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 4 chương, 67 Điều:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy định hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục, thẩm quyền xử lý trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 2: Đối tượng bị xử phạt gồm cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà đầu tư, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp). Hộ kinh doanh bị xử phạt như cá nhân.

Điều 3: Hình thức xử phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền. Hình thức xử phạt bổ sung: tước quyền, đình chỉ, tịch thu. Biện pháp khắc phục: hủy kết quả kiểm tra, thu hồi, chấm dứt đăng tải, khắc phục an toàn, di chuyển hàng, nộp lại giấy phép.

Điều 4: Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân,

tổ chức. Tổ chức phạt gấp 02 lần cá nhân.

Điều 5: Quy định hành vi vi phạm nhiều lần: xử phạt từng hành vi hoặc áp dụng tình tiết tăng nặng tùy loại vi phạm.

Điều 6: Hành vi có dấu hiệu tội phạm chuyển cơ quan tố tụng hình sự. Nếu không khởi tố thì xử phạt hành chính.

CHƯƠNG II: VI PHẠM VÀ MỨC PHẠT

Mục 1: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Điều 7: Vi phạm nguyên tắc hóa học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị: mức phạt tiền từ 40 đến 50 triệu đồng. Buộc xây dựng bổ sung nguyên tắc hóa học xanh bị thiếu.

Điều 8: Vi phạm khoảng cách an toàn: mức phạt tiền từ 20 đến 50 triệu đồng tùy mức độ. Buộc giải trình lại hoặc hủy quyết định.

Điều 9: Vi phạm điều kiện tổ chức tư vấn: mức phạt tiền từ 10 đến 50 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 10: Vi phạm điều kiện cá nhân tư vấn công nghệ: mức phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 11: Vi phạm điều kiện tổ chức tư vấn công nghệ: mức phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 12: Vi phạm điều kiện cá nhân tư vấn an toàn: mức phạt tiền từ 20 đến 40 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 13: Vi phạm điều kiện tổ chức tư vấn an toàn: mức phạt tiền từ 10 đến 50 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 14: Vi phạm quy định về hoạt động tư vấn xây dựng dự án hóa chất; tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất; tư vấn an toàn, an ninh hóa chất theo Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hoá chất: mức phạt tiền từ 3 đến 30 triệu đồng. Tước quyền sử dụng chứng chỉ từ 1 đến 3 tháng. Đình chỉ hoạt động tư vấn từ 3 đến 6 tháng.

Mục 2: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 15: Vi phạm điều kiện an toàn sản xuất, kinh doanh: mức phạt tiền từ 5 đến 50 triệu. Đình chỉ hoạt động kinh doanh hoá chất từ 3 đến 6 tháng.

Điều 16-18: Vi phạm Giấy chứng nhận/Giấy phép (hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm): mức phạt tiền từ 3 đến 50 triệu đồng. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận/Giấy phép từ 01 đến 12 tháng.

Điều 19: Vi phạm Giấy chứng nhận dịch vụ tồn trữ: mức phạt tiền từ 3 đến 30 triệu đồng. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận từ 1 đến 6 tháng.

Điều 20: Kiểm soát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: mức phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng. Tước quyền 3 đến 6 tháng.

Điều 21: Vi phạm khai báo hóa chất nhập khẩu: mức phạt tiền từ 3 đến 30

triệu đồng. Đình chỉ nhập khẩu, buộc tiêu hủy/tái xuất.

Điều 22: Vi phạm xuất nhập khẩu hóa chất: mức phạt tiền từ 5 đến 30 triệu đồng. Đình chỉ từ 1 đến 3 tháng.

Điều 23: Vi phạm giấy phép xuất nhập khẩu: mức phạt tiền từ 5 đến 50 triệu đồng. Buộc tái xuất.

Điều 24: Vi phạm công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng: mức phạt tiền từ 5 đến 20 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động sử dụng hoá chất từ 3 đến 6 tháng.

Điều 25: Vi phạm chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất: mức phạt tiền từ 5 đến 30 triệu đồng.

Điều 26: Vi phạm phân loại hoá chất: mức phạt tiền từ 3 đến 15 triệu đồng. Buộc thu hồi hoá chất vi phạm.

Điều 27: Vi phạm phiếu an toàn hóa chất: mức phạt tiền từ 0,5 đến 20 triệu đồng. Buộc cải chính thông tin, thu hồi hoá chất vi phạm.

Điều 28: Vi phạm đăng ký hóa chất mới và quản lý hoá chất mới: mức phạt tiền từ 20 đến 50 triệu đồng. Buộc tiêu hủy/tái xuất hoá chất vi phạm.

Mục 3: HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM

Điều 29: Vi phạm về kiểm soát hoá chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm: mức phạt tiền từ 5 đến 20 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động sử dụng hoá chất vi phạm để sản xuất hàng hoá.

Điều 30: Vi phạm về công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa: mức phạt tiền từ 5 đến 20 triệu đồng.

Mục 4: AN TOÀN, AN NINH

Điều 31: Vi phạm về bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật: mức phạt tiền từ 10 đến 20 triệu đồng.

Điều 32: Vi phạm vận chuyển hóa chất: mức phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng.

Điều 33: Vi phạm yêu cầu về chuyên môn trong hoạt động hóa chất: mức phạt tiền từ 20 đến 25 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động từ 1 đến 3 tháng.

Điều 34: Vi phạm huấn luyện an toàn hóa chất: mức phạt tiền từ 3 đến 30 triệu đồng. Buộc hủy kết quả huấn luyện.

Điều 35: Vi phạm thực hiện yêu cầu của kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: mức phạt tiền từ 2 đến 25 triệu đồng.

Điều 36: Vi phạm khối lượng tồn trữ hóa chất nguy hiểm kê khai trong kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: mức phạt tiền từ 5 đến 25 triệu đồng.

Điều 37: Vi phạm xây dựng Biện pháp, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: mức phạt tiền từ 3 đến 25 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động từ 1

đến 3 tháng.

Mục 5: HÓA CHẤT BẢNG

Điều 38-40: Vi phạm khai báo, lưu giữ thông tin hóa chất Bảng 1: mức phạt tiền từ 3 đến 30 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động từ 1 đến 3 tháng.

Điều 41: Vi phạm thanh sát cơ sở hóa chất Bảng 1: phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200 đến 500.000 đồng.

Mục 6: VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN

Điều 42: Vi phạm điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 3 đến 10 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 43: Vi phạm sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 40 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 44: Vi phạm điều kiện mua, bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 5 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động mua, bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 45: Vi phạm điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm: mức phạt tiền từ 3 đến 10 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm.

Điều 46: Vi phạm mua bán chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động mua bán hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 47: Vi phạm nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: Đình chỉ hoạt động nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 48: Vi phạm sử dụng hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 3 triệu đồng. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 49: Vi phạm vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 5 triệu đồng. Buộc tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.

Điều 50: Vi phạm quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 5 đến 20 triệu đồng.

Điều 51: Vi phạm khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 1 đến 10 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Điều 52: Vi phạm kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức

phạt tiền từ 1 đến 10 triệu đồng. Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Điều 53: Vi phạm đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn: mức phạt tiền từ 10 đến 20 triệu đồng. Tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành.

Mục 7: VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 54: Vi phạm trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 2 đến 50 triệu đồng.

Điều 55: Vi phạm nhân lực liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 5 đến 30 triệu đồng. Đình chỉ từ 3 đến 6 tháng.

Điều 56: Vi phạm quản lý giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 10 đến 100 triệu đồng. Tước quyền từ 3 đến 24 tháng, tịch thu.

Điều 57: Vi phạm nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 5 đến 100 triệu đồng. Tịch thu, tước quyền, đình chỉ.

Điều 58: Vi phạm bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 0,5 đến 100 triệu đồng. Đình chỉ, tước quyền từ 6 đến 12 tháng.

Điều 59: Vi phạm vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 0,5 đến 100 triệu đồng.

Điều 60: Vi phạm kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: mức phạt tiền từ 5 đến 100 triệu đồng. Tước quyền từ 18 đến 24 tháng.

Điều 61: Vi phạm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, dịch vụ nổ mìn: mức phạt tiền từ 3 đến 100 triệu. Tước quyền từ 6 đến 24 tháng.

Điều 62: Vi phạm kiểm tra, thử và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp: mức phạt tiền từ 2 đến 30 triệu đồng.

CHƯƠNG III: THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 63-73: Quy định thẩm quyền xử phạt và lập biên bản của: Chủ tịch UBND, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, Thanh tra, Công an, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74: Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 75: Hiệu lực thi hành từ tháng năm 2026. Bãi bỏ Nghị định 71/2019/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định 17/2022/NĐ-CP.

Điều 76: Trách nhiệm thi hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng, Chủ tịch

UBND các cấp.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SƠ VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BÀN HÀNH

1. Đảm bảo nguồn nhân lực

Dự thảo Nghị định không làm phát sinh nhân lực để thực hiện so với Nghị định số 71/2019/NĐ-CP.

2. Đảm bảo nguồn tài chính

Nguồn tài chính được bố trí từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại dự thảo Nghị định.

Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPCP, Vụ CN - VPCP;
- Cổng Thông tin Bộ Công Thương (để đăng tải);
- Lưu: VT, HC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị định.

2. Báo cáo số ... ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị định thay thế của Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

3. Báo cáo số ... ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ Công Thương về giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số

4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định.